

Số: /BC-HĐND

Long An, ngày tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề về công tác quản lý nhà nước về cải cách giáo dục trên địa bàn tỉnh Long An

Thực hiện Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thành lập Đoàn giám sát về công tác cải cách giáo dục, Đoàn giám sát đã xây dựng Kế hoạch số 69/KH-ĐGS ngày 11/02/2022 của Thường trực HĐND tỉnh về giám sát chuyên đề cải cách giáo dục. Theo đó, Đoàn giám sát đã tổ chức giám sát trực tiếp tại 8 huyện¹, 1 đơn vị cấp tỉnh²; giám sát trực tiếp UBND tỉnh; khảo sát và làm việc trực tiếp 8 Trường học³ và giám sát gián tiếp qua báo cáo của các Sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện còn lại; Tổ đại biểu HĐND tỉnh triển khai giám sát và báo cáo kết quả theo yêu cầu⁴.

Qua khảo sát, giám sát và xem xét các báo cáo có liên quan, Đoàn giám sát báo cáo kết quả hoạt động giám sát như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VỀ CẢI CÁCH GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Trong những năm qua, UBND tỉnh luôn quan tâm, tập trung triển khai thực hiện Luật Giáo dục, các quy định của Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. UBND tỉnh đã kịp thời đề xuất HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết nhằm cụ thể hóa các quy định có liên quan và chính sách thu hút đầu tư xã hội hóa ngành giáo dục và đào tạo theo đúng thẩm quyền, trình tự⁵; chủ động ban hành nhiều kế hoạch, trong đó xác định rõ các mục tiêu, giải pháp nhằm nâng cao và củng cố ngành giáo dục và đào tạo của địa phương⁶.

¹ Các huyện: Vĩnh Hưng, Tân Trụ, Cần Giuộc, Cần Đước, Đức Hòa, Bến Lức, Kiến Tường, Bến Lức.

² Sở Giáo dục và đào tạo.

³ Các Trường học: Tiểu học Thạnh Trị (Kiến Tường); THPT Vĩnh Hưng (Vĩnh Hưng); Tiểu học Long Trạch 1 (Cần Đước); Tiểu học Tân Kim (Cần Giuộc); Tiểu học Thuận Đạo (Bến Lức); Tiểu học Nguyễn Văn Phú (Đức Hòa); THCS Lý Tự Trọng (Tân An); THCS Nhứt Tân (Tân Trụ).

⁴ Tổ đại biểu HĐND tỉnh có tổ chức giám sát và gửi báo cáo: Mộc Hóa; Thạnh Hóa.

⁵ Nghị quyết số 207/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Long An.

⁶ Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 10/6/2019 về thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Long An; Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 14/01/2020 về triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Long An; Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 16/12/2020 về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 1 (2020-2025).

2. Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng được ngành giáo dục quan tâm, hàng năm đều xây dựng kế hoạch về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, qua đó, đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành giáo dục, không ngừng học tập, lao động sáng tạo trong công tác chuyên môn; công tác giáo dục nhân cách, đạo đức lối sống và kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên được quan tâm, triển khai có hiệu quả trong hệ thống giáo dục trên địa bàn tỉnh. Nhiều kỹ năng sống, mô hình hay, có ý nghĩa được lựa chọn, áp dụng trong trường học, đảm bảo phù hợp với tâm sinh lý tuổi học sinh⁷; việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên được thực hiện tốt, đảm bảo theo quy chế⁸.

3. Công tác quy hoạch, phát triển cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh được tập trung thực hiện. Theo đó, trong giai đoạn từ 2013 - 2020, UBND tỉnh đã quy hoạch phát triển 139 cơ sở giáo dục thuộc các cấp học sẽ được thành lập mới. Đến nay, đã có 90/139 cơ sở giáo dục được thành lập mới, đạt 64,7%, trong đó có 16/90 đơn vị thuộc loại hình tư thục. Giai đoạn sau 2020, UBND tỉnh đã quy hoạch, dự kiến thành lập mới 48 đơn vị trường học các cấp (có 07 đơn vị ngoài công lập); công tác sắp xếp mạng lưới trường lớp được UBND tỉnh tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện theo các yêu cầu, nhiệm vụ liên quan đến ngành giáo dục được nêu trong Đề án số 02-ĐA/TU ngày 29/12/2017 của Tỉnh ủy, theo đó, các trường công lập sau khi sáp nhập có sự thay đổi về số lượng (có tăng, có giảm⁹); về cơ sở giáo dục ngoài công lập phát triển khá ổn định¹⁰; công tác củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ được cấp ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo UBND các cấp thực hiện. Công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông luôn được quan tâm, thực hiện cơ bản đồng bộ, góp phần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc học nghề, định hướng nghề nghiệp tốt cho tương lai.

4. Trong những năm qua, UBND các cấp từ tỉnh, huyện, xã luôn quan tâm đến phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của các cán bộ, công chức, viên chức của ngành giáo dục. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương thức giảng dạy cho các giáo viên, nhằm đáp

⁷ Một số kỹ năng, mô hình: giải quyết vấn đề; làm việc nhóm; tư duy sáng tạo; ứng phó với tình huống nguy hiểm; phòng chống bạo lực học đường; phòng chống đuối nước và tai nạn thương tích; phòng chống xâm hại tình dục trẻ em, giáo dục giới tính, chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên; phòng, chống HIV/AIDS, ma túy, mại dâm; thăm viếng và phụng dưỡng các bà Mẹ Việt Nam anh hùng tại địa phương; vệ sinh các tuyến đường nông thôn mới; tổ chức “Ngày thứ 7 tình nguyện”, ngày “Chủ nhật xanh”; mô hình “Bán hàng gây quỹ”....

⁸ Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp ba môi trường Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong giáo dục học sinh trên địa bàn tỉnh.

⁹ Đã giảm 04 trường học mầm non (hiện có 190 trường); giảm 75 trường tiểu học (hiện có 183 trường); tăng 09 trường THCS (hiện có 145 trường, trong đó có 33 trường 02 cấp học); giảm 05 trường THPT (hiện có 39 trường, năm 2021 thành lập mới 01 trường THPT); giải thể các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện, sáp nhập trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp và Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh thành Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Kỹ thuật tổng hợp tỉnh.

¹⁰ Toàn tỉnh hiện có 37 cơ sở giáo dục ngoài công lập: 30 cơ sở mầm non, 7 cơ sở thuộc phổ thông.

ứng theo yêu cầu đổi mới. Việc bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên theo từng môn học, cấp học cơ bản ổn định theo đúng trình độ chuẩn được đào tạo và vị trí việc làm và đúng quy định theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đến nay, đã xác định lộ trình nâng chuẩn cho giai đoạn 2020 - 2025, xây dựng kế hoạch đào tạo sau đại học, đào tạo lý luận chính trị và bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho toàn ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh.

5. Việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới theo Đề án của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo được UBND tỉnh triển khai kịp thời, có hiệu quả. Theo đó, các cơ sở giáo dục được hướng dẫn chọn lựa bộ sách giáo khoa lớp 1, 2 đối với cấp tiểu học và lớp 6 đối với cấp trung học cơ sở phù hợp theo Chương trình giáo dục phổ thông mới. Có sự chuẩn bị tốt về đội ngũ giáo viên, cơ bản đủ về số lượng và có trình độ đào tạo đạt chuẩn, trên chuẩn để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới. Đến nay, đã thực hiện xong việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 3, 7, 10 để chuẩn bị cho năm học 2022 - 2023 đảm bảo đúng với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Công tác xã hội hoá ngành giáo dục được quan tâm thực hiện; các cơ chế, chính sách để khuyến khích doanh nghiệp và toàn xã hội tham gia đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo cơ bản được hoàn thiện¹¹. Vấn đề trường, lớp tại các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh được chú trọng giải quyết, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập cho con em công nhân tại các khu cụm công nghiệp, khu đô thị đông dân cư.

7. UBND tỉnh ưu tiên, cân đối, bố trí ngân sách địa phương, tăng cường huy động nguồn lực xã hội đầu tư cơ sở vật chất cho ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh. Dành ngân sách nhà nước thỏa đáng, đảm bảo trên 20% tổng chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Giáo dục để đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục và thực hiện kết hợp lồng ghép có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu của ngành giáo dục.

Cơ sở vật chất trường, lớp được đầu tư, cơ bản đảm bảo các phòng học và các phòng chức năng để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới. Các trang thiết bị, phương tiện dạy học tối thiểu được trang bị đầy đủ cho các cấp học, ngoài ra, tại các trường cấp THCS, THPT đều được trang bị các thiết bị dạy học phù hợp (như: Tivi thông minh, bảng tương tác, laptop, camera giám sát,...). Nhiều dự án, chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo

¹¹ 10 cơ sở ngoài công lập được đầu tư: Trường TH, THCS và THPT Ischool Long An, Trường Mầm non An Nông, Trường MN – TH Tổ Ong Vàng (thị trấn Bến Lức); Trường Mầm non Úc Châu (An Thạnh); Trường Mầm non Quốc tế (phường 3); Trường Mầm non tư thục IQ Cần Đức 2 (Long Trạch); Trường Mầm non tư thục Hạnh Phúc (Long Cang); Trường MN Hoa Hồng, Trường liên cấp Nhân Văn và Trường Mầm non Nhân Lễ (Long Hậu); Bên cạnh đó, mạng lưới cơ sở giáo dục ngoài công lập khá phát triển, với 30 cơ sở giáo dục mầm non, 07 cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập được thành lập và đi vào hoạt động và có 99 trung tâm ngoại ngữ, tin học loại hình tư thục được thành lập mới

được triển khai¹², góp phần đẩy mạnh, phát triển giáo dục tại địa phương: trường, lớp nâng cả về chất và lượng; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 vượt 0,85% so với chỉ tiêu của kế hoạch; các trường học cơ bản đủ máy tính để quản lý, đáp ứng nhu cầu giảng dạy; nhiều xã đạt tiêu chí “Trường học” để được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới,...; ngoài ra, công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo được quan tâm, triển khai có hiệu quả, góp phần vào công tác quản lý và giảng dạy. Cụ thể, các nội dung về hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng dữ liệu dùng chung, các phần mềm, kho học liệu và các ứng dụng, dịch vụ công,...được triển khai đồng bộ trong hệ thống giáo dục và đào tạo từ cấp Sở đến Phòng Giáo dục cấp huyện. Đảm bảo tính kết nối, khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu của ngành trên hệ thống quản lý giáo dục. Kết quả cho thấy, công tác chuyên môn luôn được duy trì và nâng cao, thể hiện qua tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình học đạt cao¹³; các điều kiện về trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị được đảm bảo, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm định chất lượng giáo dục, toàn tỉnh có 312/591 trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia¹⁴ (đạt tỷ lệ 52,79%).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. UBND tỉnh đã quan tâm thực hiện tốt một số nhiệm vụ quan trọng của công tác cải cách giáo dục; kịp thời cụ thể hóa, ban hành các chủ trương, chính sách, pháp luật có liên quan đến công tác giáo dục và đào tạo; nguồn ngân sách địa phương và xã hội hóa, thu hút đầu tư vào lĩnh vực giáo dục cơ bản đáp ứng cho nhu cầu.

2. Có nhiều kế hoạch, quyết định để thực hiện các dự án, Đề án, Chương trình giáo dục phổ thông mới. Thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp tinh gọn bộ máy cơ sở giáo dục sự nghiệp công lập theo Đề án số 02-ĐA/TU của Tỉnh ủy. Tích cực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp, trang thiết bị dạy học, góp phần hoàn thiện các tiêu chí về trường chuẩn quốc gia và công tác giảng dạy.

3. Chỉ đạo thực hiện khá tốt việc đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn; đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới và thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo chương trình mới; ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy - học.

¹² Các dự án, chương trình giai đoạn 2016 – 2020: Dự án lộ trình đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2020; Dự án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường và trong công tác đổi mới quản lý giáo dục giai đoạn 2015-2020; Dự án Đổi mới dạy và học ngoại ngữ trong các trường công lập trên địa bàn tỉnh năm 2020; Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020; Đề án xây dựng mô hình trường tiên tiến, hiện đại năm 2017-2018

¹³ Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới: tiểu học đạt 97,02%; THPT đạt trên 99%.

¹⁴ Trường chuẩn quốc gia: tổng toàn tỉnh là 312/591 trường. Trong đó, cấp MN là 119/216 trường; cấp TH là 109/185 trường; cấp THCS là 74/146 trường; cấp THPT là 10/44 trường.

4. Triển khai tốt Đề án “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường”, theo đó, đã ban hành Quy chế phối hợp ba môi trường nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục học sinh; kết hợp, lồng ghép đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục và đào tạo đạt hiệu quả tích cực.

III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ; NGUYÊN NHÂN; TRÁCH NHIỆM

1. Những tồn tại, hạn chế

- Công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở một số địa phương nhìn chung còn bất cập, còn tình trạng thiếu trường, lớp ở một số khu đô thị, khu công nghiệp, cá biệt có trường vượt số lớp gần gấp đôi so với chuẩn¹⁵; thiếu đất cho xây dựng hoặc mở rộng trường học để đáp ứng nhu cầu giảng dạy¹⁶ và một số trường không đảm bảo về diện tích để được công nhận lại trường đạt chuẩn¹⁷; việc lập hồ sơ quyền sử dụng đất đối với các cơ sở giáo dục ở một số địa phương còn gặp không ít khó khăn¹⁸.

- Một vài địa phương chưa có kế hoạch thực hiện tổng thể, đồng bộ trong xây dựng kế hoạch, lộ trình đầu tư trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia trong từng giai đoạn. Sau khi thực hiện sáp nhập theo Đề án số 02-ĐA/TU của Tỉnh ủy, một số trường đang quá tải, áp lực về số lớp và sĩ số học sinh vượt số lượng so quy định, không đạt chuẩn quốc gia và có nguy cơ không được tái công nhận trường đạt chuẩn¹⁹ (đối với các đơn vị đã được công nhận rồi); một số địa phương lập kế hoạch đầu tư trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 chưa phù hợp với yêu cầu.

- Công tác quy hoạch mạng lưới giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu, chủ yếu là tập trung phát triển giáo dục công lập, hệ thống cơ sở giáo dục ngoài công lập phát triển còn chậm và chủ yếu phát triển ở cấp mầm non. Việc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư lĩnh vực giáo dục và đào tạo chưa đạt yêu cầu đề ra (trong giai đoạn 2016 - 2020 chỉ thực hiện được 10/34 danh mục dự án xã hội hóa); chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh phổ thông (năng khiếu, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng sống,...) còn hạn

¹⁵ Trường TH Tân Kim (Cần Giuộc) có 42/30 lớp học, vượt chuẩn 12 lớp học; Trường TH Nguyễn Văn Phú (Đức Hòa) có 83/30 lớp học, vượt chuẩn 53 lớp; Trường TH Long Hòa (Cần Đước) hiện có 40/30 lớp học, vượt chuẩn 10 lớp; Trường TH An Thạnh (Bến Lức) có 37/30 lớp, vượt chuẩn 07 lớp.

¹⁶ Trường THCS Lý Tự Trọng (Tân An) xin mở rộng thêm để xây dựng 2 phòng chức năng nhưng không có đất; Trường TH Tân Kim (Cần Giuộc) trong năm học 2023, nhu cầu xây thêm 12 phòng học tại điểm Kim Điền và 06 phòng học tại điểm Long Phú và phần đất phía sau điểm trường Kim Điền chưa được thu hồi; Trường TH Long Trạch 1 (Cần Đước) còn thiếu 5.000m² đất để đảm bảo theo quy định trường chuẩn quốc gia.

¹⁷ Trường TH không đủ điều kiện về diện tích để công nhận lại: Long Trạch, Rạch Đào, Phước Đông, Long Hòa của huyện Cần Đước.

¹⁸ Bến Lức còn 30% số trường chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Cần Giuộc còn 15 điểm trường chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

¹⁹ Toàn tỉnh hiện có 07 trường không đạt tiêu chí trường chuẩn quốc gia, trong đó, cấp Tiểu học 06 trường, cấp THPT 01 trường.

chế so với yêu cầu.

- Cơ sở vật chất trường, lớp chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Còn không ít cơ sở giáo dục chưa được đầu tư đồng bộ các phòng học chức năng²⁰, phòng học bộ môn, phòng học cho học sinh học bán trú và các hạng mục công trình phụ trợ khác, ...một số trường học ở các xã có khu, cụm công nghiệp còn thiếu phòng học nên sĩ số học sinh còn cao²¹, chưa đáp ứng được việc tổ chức học 2 buổi/ngày.

- Một số trường trên địa bàn tỉnh có nguy cơ không đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông mới, nhất là các Trường THPT.

- Công tác tuyển dụng giáo viên còn nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu của địa phương²². Về tổng thể, đa phần các trường ở các cấp học còn thiếu nhiều vị trí khác nhau, trong đó, thiếu giáo viên dạy lớp trực tiếp và nhân viên (các môn nghệ thuật - âm nhạc - mỹ thuật và ngoại ngữ thứ hai; nhân viên thiết bị, công nghệ thông tin, thư viện, y tế); công tác đào tạo lại để nâng chuẩn giáo viên theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 thực hiện còn chậm; việc bồi dưỡng lý luận chính trị và tổ chức thi chuyên ngạch cho giáo viên còn chậm (kể cả giáo viên dạy các môn liên quan đến giáo dục lý tưởng cách mạng cho học sinh).

- Công tác giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở còn hạn chế²³, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng nhu cầu học tập của cộng đồng; tình trạng học sinh bỏ học ở một số nơi có xu hướng gia tăng (Bến Lức, Tân Trụ,...).

- Quy mô triển khai chuyển đổi số, xây dựng trường học tiên tiến chưa rộng, chưa tương xứng với trình độ phát triển; công tác đổi mới phương pháp dạy, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy vẫn còn hạn chế nhất định.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

- Một số quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa thể triển khai, áp dụng, gây lúng túng cho công tác triển khai thực hiện tại các đơn vị. Cụ thể: Hiện nay, việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương

²⁰ Cơ sở vật chất điểm phụ - Kim Điền thuộc Trường TH Tân Kim (Cần Giuộc) chưa đảm bảo số phòng theo quy định, đến năm 2023 không đủ để bố trí cho học sinh khối lớp 4; Trường TH Long Trạch 1 (Cần Đức) thiếu 04 Phòng chức năng; Trường TH Thuận Đạo (Bến Lức) còn thiếu 06 Phòng chức năng.

²¹ Trường TH Long Trạch 1 là 37,4/35 học sinh/lớp; Trường TH Thuận Đạo là 36,7/35 học sinh/lớp; Trường TH Nguyễn Văn Phú là 40,8/35 học sinh/lớp; Trường TH Mai Thị Non là 40/35 học sinh/lớp; Trường TH Phước Lợi là 41/35 học sinh/lớp.

²² Vĩnh Hưng thiếu 56 GV; Cần Đức thiếu 78 GV; Cần Giuộc thiếu 28 GV; Bến Lức thiếu 213 GV; Đức Hòa thiếu 200 GV; Tân An thiếu 43 GV; Tân Trụ thiếu 26 GV;

²³ Cần Đức 5,73%; Vĩnh Hưng 9,5%; Tân Trụ 9,8%; Cần Giuộc 10,4%; Tân An 11,62%; Bến Lức 15,28%; Đức Hòa 18,12%;

viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập được thực hiện theo các Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021, Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021, Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cả 03 Thông tư trên của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực kể từ ngày 20/3/2021. Tuy nhiên, các quy định trên vẫn chưa thể triển khai được, vì 03 Thông tư này hiện đang lấy ý kiến để điều chỉnh, sửa đổi.

- Chính sách xã hội hóa lĩnh vực giáo dục chưa tạo được sức hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

- Sự phát triển của các khu, cụm công nghiệp, các khu dân cư tập trung tại một số vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh kéo theo sự gia tăng dân số, đặc biệt là dân số cơ học (con em của công nhân đến sinh sống, làm việc tại các khu, cụm công nghiệp); đồng thời, việc tăng dân số tại các khu vực này không ổn định, ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng đầy đủ về trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy - học và các quy định về công tác kiểm định chất lượng giáo dục, nhất là quy định về trường đạt chuẩn.

- Nguồn tuyển dụng giáo viên khan hiếm, không đáp ứng đủ chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên hàng năm cho các cấp học; đồng thời, việc thiếu giáo viên dẫn đến chưa thể tổ chức tốt lớp 2 buổi/ngày, bán trú cho trẻ.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, cho công tác cải cách giáo dục của tỉnh, nhìn chung chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Công tác chỉ đạo, triển khai, quán triệt về thực hiện công tác cải cách giáo dục chưa toàn diện và đi vào chiều sâu trong hệ thống chính trị; trong quá trình tổ chức thực hiện, ngành giáo dục và chính quyền địa phương có lúc chưa xác định được khâu trọng tâm, đột phá để đẩy mạnh công tác cải cách giáo dục.

- Các cơ quan chức năng lúng túng trong công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp khi giải thể các Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện và sắp xếp lại các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề theo chủ trương chung của tỉnh.

- Một số chương trình, đề án quan trọng (Đề án giải quyết vấn đề trường, lớp cho con em công nhân vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2017-2020; Chiến lược Phát triển Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030;...) thiếu kiểm tra, đánh giá, đề xuất kịp thời nên hiệu quả chưa cao.

- Việc chủ động, tham mưu, đề xuất tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác cải cách giáo dục của các sở, ngành liên quan, nhất là ngành giáo dục - đào tạo có lúc còn chậm, thiếu bao quát và chiều sâu; cơ chế phối hợp để

thực hiện cải cách giáo dục chưa chặt chẽ, chưa thể hiện đầy đủ vai trò hỗ trợ, trách nhiệm của chính quyền địa phương. Cụ thể, công tác phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với UBND cấp huyện thiếu chặt chẽ, chưa có sự liên thông, gắn kết mật thiết trong xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên hằng năm và giai đoạn dẫn đến tình trạng đội ngũ giáo viên các cấp vẫn còn thiếu nhiều so với quy định và công tác nâng chuẩn trình độ giáo viên còn chậm so với yêu cầu; ngoài ra, trong thời gian qua, tình thiếu chính sách phù hợp trong tuyển dụng giáo viên vào dạy ở các trường trên địa bàn tỉnh.

- Trong công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS: phần lớn giáo viên làm công tác tư vấn, hướng nghiệp là giáo viên kiêm nhiệm, thiếu nghiệp vụ về hướng nghiệp; các trường chưa tận dụng tốt các giờ học để thông tin, phổ biến giáo dục hướng nghiệp cho các em học sinh, tập trung nhiều đến chất lượng dạy - học các môn văn hóa và phân luồng lên trung học phổ thông, thiếu quan tâm đến công tác hướng nghiệp.

- Công tác chỉ đạo kiểm tra, giám sát các hoạt động có liên quan của ngành giáo dục có lúc, có nơi chưa thường xuyên, chưa kịp thời đề ra những giải pháp thiết thực, hiệu quả để xử lý, khắc phục các trường có nguy cơ không được tái công nhận trường chuẩn, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, tình trạng một số lớp ở các trường có sĩ số học sinh vượt quá quy định.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

a) Đối với UBND tỉnh: Chịu trách nhiệm trong việc thiếu chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện toàn diện công tác cải cách giáo dục và các nhiệm vụ trọng tâm; chậm ban hành hoặc đề xuất cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực cho ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh; chậm cân đối, bố trí nguồn ngân sách nhà nước đầu tư trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy - học theo phân cấp quản lý.

b) Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo: Chịu trách nhiệm chính đối với các nguyên nhân chủ quan ảnh hưởng đến công tác cải cách giáo dục trên địa bàn tỉnh thời gian qua. Nhất là, chậm tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực cho ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh; phối hợp thiếu chặt chẽ với các ngành, địa phương trong việc tuyển dụng, nâng chuẩn trình độ giáo viên của các cấp học; chưa phát huy tốt vai trò của ngành trong công tác xã hội hóa lĩnh vực giáo dục và đào tạo; chậm tham mưu, đề xuất đánh giá, tổng kết các nội dung có liên quan đến ngành giáo dục theo Đề án 02-ĐA/TU của Tỉnh ủy.

c) Đối với Sở Nội vụ: Chịu trách nhiệm trong việc chưa phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch tuyển dụng, luân chuyển, điều động cán bộ quản lý, giáo viên tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên như hiện nay.

d) Đối với UBND cấp huyện: Chịu trách nhiệm đối với các nguyên nhân chủ quan trên theo phân cấp quản lý: vấn đề thiếu trường lớp tại một số nơi; chưa thực hiện tốt công tác xã hội hóa trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo; kế hoạch tuyển dụng giáo viên; chậm đề xuất các giải pháp khắc phục, xử lý các bất cập của ngành giáo dục tại địa phương.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

1. Đối với Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Long An

Đoàn giám sát kiến nghị với Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Long An có ý kiến, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm có hướng dẫn, thống nhất triển khai thực hiện có hiệu quả việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập.

2. Đối với HĐND tỉnh: Trên cơ sở kết quả giám sát, Đoàn giám sát kiến nghị HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết về giám sát công tác cải cách giáo dục trên địa bàn tỉnh tại kỳ họp lệ giữa năm 2022.

3. Đối với UBND tỉnh: Đoàn giám sát đánh giá công tác cải cách giáo dục trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, cơ bản đúng định hướng chiến lược phát triển giáo dục của đất nước và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý nhà nước về cải cách giáo dục còn một số tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục. Đoàn giám sát kiến nghị UBND tỉnh nghiên cứu, thực hiện nghiêm một số nguyên tắc, nội dung trong quản lý nhà nước về cải cách giáo dục cho giai đoạn tới như sau:

a) Những vấn đề chung

- Tạo sự đổi mới mạnh mẽ về tư duy của các cấp, các ngành và toàn xã hội, đặc biệt là cán bộ quản lý, thầy cô giáo về cải cách giáo dục theo tinh thần Nghị quyết của Tỉnh ủy về đổi mới căn bản và toàn diện công tác giáo dục trên địa bàn tỉnh và Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; khơi dậy và tạo được tinh thần chủ động đổi mới, sáng tạo hơn nữa, nắm bắt và thích ứng kịp thời với xu hướng chuyển đổi số và yêu cầu của điều kiện bình thường mới. Trước hết là đổi mới phương pháp dạy học, có giải pháp huy động mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật, tạo bước đột phá trong triển khai các ứng dụng dùng chung, thực hiện đồng bộ, liên thông phần mềm về quản lý từ các trường đến Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Rà soát lại các đề án, chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện công tác cải cách giáo dục và đề tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết và xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế và yêu cầu mới. Nghiên cứu tích hợp chung thành một Đề án mang tính tổng thể, toàn diện để triển khai thực hiện đồng bộ,

chặt chẽ. Trong đó lưu ý cần chấn chỉnh, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch mạng lưới trường lớp phổ thông, nhất là cơ chế dự báo, xây dựng lộ trình đầu tư từ tỉnh đến cơ sở một cách khoa học, hiệu quả.

- Triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của HĐND tỉnh liên quan lĩnh vực giáo dục và đào tạo, kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tế của địa phương. Trước mắt tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận 239/TB-HĐND ngày 01/4/2022 của Thường trực HĐND tỉnh tại Chương trình Đối thoại lần thứ 3 về “Giải pháp khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên tại các trường mầm non và phổ thông”; đánh giá lại các chính sách về xã hội hóa trên lĩnh vực giáo dục, nhằm sớm sửa đổi, bổ sung một số chính sách ưu đãi, cơ chế khuyến khích xã hội hóa giáo dục.

- Rà soát quy hoạch sử dụng đất lĩnh vực giáo dục, đào tạo đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế và xu hướng phát triển theo từng giai đoạn; có cơ chế tạo, quản lý và phát huy hiệu quả quỹ đất dành cho giáo dục tại các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư, đô thị theo hướng đồng bộ, tập trung. Đẩy mạnh phân cấp cho UBND cấp huyện quy hoạch, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho giáo dục - đào tạo trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, đôn đốc khắc phục những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong công tác cải cách giáo dục thời gian qua. Trọng tâm là nâng cao vai trò, trách nhiệm của ngành giáo dục, đào tạo trong công tác triển khai, tham mưu, đề xuất chính sách để thực hiện có hiệu quả công tác cải cách giáo dục trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

b) Một số vấn đề cụ thể

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan, chính quyền địa phương nghiên cứu, xem xét, giải quyết các tồn tại, hạn chế đã được Đoàn giám sát chỉ ra. Trong đó:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông mới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào việc dạy và học (dạy học trực tiếp, kết hợp trực tuyến, ...); chỉ đạo sơ kết đánh giá việc thực hiện Đề án xây dựng mô hình trường học tiên tiến, hiện đại, Dự án đổi mới dạy và học ngoại ngữ, Đề án trường, lớp học tại vùng phát triển công nghiệp... để có giải pháp tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo, góp phần đào tạo, bồi dưỡng nhân tài của tỉnh trong thời gian tới.

- Xem xét, giải quyết các kiến nghị của các địa phương; đẩy mạnh phân cấp đầu tư, quản lý tài chính; nghiên cứu, phân cấp trong quản lý tài chính lĩnh vực giáo dục, tạo điều kiện cho các huyện, thị xã, thành phố chủ động trong mua sắm thiết bị hỗ trợ việc dạy và học của các trường đảm bảo theo quy định. Trong đầu tư xây dựng cơ bản, việc ban hành suất đầu tư xây dựng công trình (trên một diện tích đất) cần căn cứ vào loại công trình, cấp công trình, thời gian điểm xác định, khu vực đầu tư và các chi phí liên quan theo quy định pháp luật khác,...cho phù hợp với tình hình thực tế (suất đầu tư 7.000.000 đ/m² như hiện nay đối với tất cả các loại, cấp công trình và các địa phương là chưa hợp lý).

- Nghiên cứu, xem xét đề xuất cơ chế điều chỉnh danh mục dự án trường đạt chuẩn quốc gia tại các huyện, thị xã, thành phố, phù hợp với thực tế triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà công vụ cho giáo viên theo Nghị quyết của HĐND tỉnh để sớm đưa vào sử dụng, góp phần thu hút giáo viên đến công tác, gắn bó với địa phương. Đồng thời nghiên cứu đề xuất HĐND tỉnh ban hành chính sách để đào tạo nguồn, thu hút, ổn định đội ngũ viên chức ngành giáo dục.

- Chỉ đạo kịp thời tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng để giáo viên đảm bảo đủ chuẩn theo quy định; bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên bộ môn, giáo dục tư tưởng đạo đức cho học sinh; đẩy nhanh tiến độ tổ chức thi chuyển ngạch cho giáo viên.

- Chỉ đạo đẩy mạnh dạy ngoại ngữ, kỹ năng sống, truyền thống văn hóa, đạo đức, ứng xử cho học sinh; có giải pháp thực hiện cơ chế phối hợp giữa 3 môi trường giáo dục (Gia đình - Nhà trường - Xã hội) phù hợp với điều kiện mới; đổi mới công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS và THPT phù hợp với định hướng chuyển đổi cơ cấu lao động, nhu cầu, khả năng đáp ứng của từng địa phương (xem xét lại cách phân bổ chỉ tiêu như nhau cho các địa phương, thời điểm khác nhau).

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát chuyên đề về công tác cải cách giáo dục trên địa bàn tỉnh của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- Phó các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ VP.Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, (X).

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND
Mai Văn Nhiều**

